

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG PHÁT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN TRUONG PHAT TRADING AND TECHNICAL - CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107792460

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 43 tập thể Z49, thôn Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936 236 918

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329     |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                         | 4511     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651     |
| 4.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610     |
| 5.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                   | 2824     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                    | 5221     |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 9.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314     |
| 11. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315     |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100     |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210     |
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220     |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290     |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống chuông báo cháy, Hệ thống báo động chống trộm, Hệ thống camera quan sát.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321(Chính) |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy | 7110        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710        |
| 22. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2620        |
| 23. | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2630        |
| 24. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2640        |
| 25. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2710        |
| 26. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2511        |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 31. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 32. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2512        |
| 33. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4541        |
| 34. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 35. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng, khai khoáng, xây dựng, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện )                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299        |

6. **Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH PHÚC  | Số 237, đường K2, tổ 14, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 294.000    | 2.940.000.000         | 30,000    | 034083001677                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 294.000    | 2.940.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MẠNH DƯƠNG | Xóm 9, Xã Yên Lộc, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông | 294.000    | 2.940.000.000         | 30,000    | 164099465                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 294.000    | 2.940.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HUY HÙNG   | Số nhà 43 tập thể Z49, thôn Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 392.000    | 3.920.000.000         | 40,000    | 001085000840                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 392.000    | 3.920.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN HUY HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/11/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085000840

Ngày cấp: 10/12/2013

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 43 tập thể Z49, thôn Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 43 tập thể Z49, thôn Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội